TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 520/2023/DS-PT
Ngày 31 - 7 - 2023
V/v *"Tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Vũ Đức Toàn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 27 và 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2114/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng An1, sinh năm: 1968;

Cư trú tại: thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Va1, sinh năm: 1997;

Địa chỉ liên hệthành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền số 3922, quyển số 94-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Vạn Tin chứng nhận ngày 12/11/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Cao Ta1, sinh năm 1972, là Luật sư của Văn phòng luật sư Bá Tánh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng No1, sinh năm: 1965;

Cư trú tại: tổ 5, thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ma1, sinh năm: 1968; cư trú tại: tổ 5, thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Bà Phạm Thị Li1, sinh năm: 1957 (chết năm 2020);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Li1:

2.1 Ông Bùi Văn Ba1, sinh năm: 1953; cư trú tại: xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2 Bà Tạ Thị Th1, sinh năm: 1935; cư trú tại: Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2.3 Chị Bùi Thị Bích Ta1, sinh năm: 1981; cư trú tại: thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.4 Anh Bùi Thanh Ti1, sinh năm: 1984; cư trú tại: huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2.5 Chị Bùi Thị Thùy Ta2, sinh năm: 1987; cư trú tại: xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; vắng mặt.

2.6 Chị Bùi Thị Thùy Li1, sinh năm: 1989; cư trú tại: phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.7 Chị Bùi Thị Thùy Tu1, sinh năm: 1992; cư trú tại: phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.8 Chị Bùi Thị Ti1, sinh năm: 1996; cư trú tại: phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Ho1, sinh năm: 1964; cư trú tại: xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4. Anh Phạm Hồng Thiên Ba1, sinh năm: 1997; cư trú tại: xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: thôn Đa Lộc, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Văn Du1, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân); vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: số 02 đường Trần Nhân Tông, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Tôn Thiện Sa1, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân);

+ Ông Võ Ngọc Tri1, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6473/UBND ngày 10/11/2020); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt: Ông Nguyễn Đức Tr1; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Hồng No1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Hoa; Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Li1 gồm: các ông bà Bùi Văn Bân, Bùi Thị Thuỳ Lý, Bùi Thị Thuỳ Tường, Bùi Thị Bích Tân.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/9/2017, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của chị Nguyễn Thị Vân là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo biên bản họp hội đồng gia tộc ngày 05/09/1998 (được ủy ban nhân dân xã XT xác nhận) thì ông Phạm Hồng An1 đã nhận phần diện tích đã chia. Tuy nhiên còn phần diện tích đất của ông Phạm Hồng So1, khi ông chết sẽ chia cho 02 người con trai là Phạm Hồng No1 và Phạm Hồng An1 mỗi người ½ diện tích 1.250m^2. Tức phần đất của ông So1 thuộc các thửa 764, 876 tờ bản đồ số 27 (nay thuộc thửa đất số 420) tại xã XT, thành phố Đà Lạt theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/03/1999 đứng tên ông Phạm Hồng So1. Theo biên bản họp hội đồng gia tộc thì ông Phạm Hồng An1 được ½ giá trị tài sản nêu trên. Nay ông Phạm Hồng No1 công bố bản di chúc được cho là của ông Phạm Hồng So1 cho ông No1 02 thửa đất trên nên ông cho rằng bản di chúc ngày 28/01/2010 của ông Phạm Hồng So1 là không đúng pháp luật.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên hủy bản di chúc ghi ngày 28/01/2010 của ông Phạm Hồng So1 do Ủy ban nhân dân xã XT, thành phố Đà Lạt chứng thực số 01, quyển số I/2010TP/CC-SCT/HĐGD ngày 28/01/2010.

2. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp cho hộ ông Phạm Hồng So1 ngày 03/3/1999.

3. Phân chia di sản thừa kế do ông Phạm Hồng So1, bà Ngô Thị Xuân để lại đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 764, 876 tờ bản đồ số 27 (nay thuộc thửa đất số 420, 421) tại xã XT, thành phố Đà Lạt và ông đề nghị nhận bằng hiện vật.

Bị đơn ông Phạm Hồng No1 trình bày:

Ông là con của ông Phạm Hồng So1 và bà Ngô Thị Xuân (mất 1989). Giữa bố mẹ ông có 03 người con chung gồm bà Phạm Thị Hoa, ông Phạm Hồng No1, ông Phạm Hồng An1.

Đối với bà Phạm Thị Li1 là con riêng của ông Phạm Hồng So1 hiện nay đã chết vào năm 2020; có chồng tên là Bùi Văn Bân, mẹ của bà Li1 là bà Tạ Thị Thuận, bà Li1, ông Bân có 06 người con chung là: Chị Bùi Thị Bích Tân, anh Bùi Thanh Tiến, chị Bùi Thị Thùy Tâm, chị Bùi Thị Thùy Lý, chị Bùi Thị Thùy Tường và chị Bùi Thị Tiền.

Trong quá trình sinh sống bố mẹ ông có tạo lập được khối tài sản như phần I của biên bản họp gia đình và việc phân chia tài sản được Ủy ban nhân dân xã XT chứng thực vào ngày 7/9/1998, nhưng phần diện tích đất ghi trong biên bản nhỏ hơn thực tế chung (vì lúc đó chỉ ước lượng, chưa có số lô, số thửa và diện tích đo đạc cụ thể chỉ biết tứ cận giáp ranh).

Việc chia đất cho các con (Hoa-Nở-Anh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên các con theo biên bản.

Phần bố ông giữ lại theo biên bản thì bố ông đã lập di chúc cho ông vào ngày 28/01/2010 để lại cho vợ chồng ông. Đất thuộc thửa số 764, 876 tờ bản đồ số 27 tổng diện tích sử dụng 1.816m^2. Di chúc nói trên là hoàn toàn hợp pháp nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 24/6/2021, ông có đơn yêu cầu phản tố đề nghị công nhận di chúc ngày 28/01/2010 của ông Phạm Hồng So1 là hợp pháp; trong trường hợp Tòa án tuyên hủy bản di chúc nói trên đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Phạm Hồng So1 theo quy định của pháp luật và ông đề nghị nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ma1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông No1 và không bổ sung gì thêm.

Bà Phạm Thị Hoa trình bày: Bà là con của ông Phạm Hồng So1 và bà Ngô Thị Xuân (mất 1989). Giữa bố mẹ ông có 03 người con chung gồm bà Phạm Thị Hoa, ông Phạm Hồng No1, ông Phạm Hồng An1.

Đối với bà Phạm Thị Li1 là con riêng của ông Phạm Hồng So1 hiện nay đã chết vào năm 2020; có chồng tên là Bùi Văn Bân, mẹ của bà Li1 là bà Tạ Thị Thuận, bà Li1, ông Bân có 06 người con chung là: Chị Bùi Thị Bích Tân, anh Bùi Thanh Tiến, chị Bùi Thị Thùy Tâm, chị Bùi Thị Thùy Lý, chị Bùi Thị Thùy Tường và chị Bùi Thị Tiền.

Trong quá trình sinh sống bố mẹ bà có tạo lập được khối tài sản như phần I của biên bản họp gia đình và việc phân chia tài sản được Ủy ban nhân dân xã XT chứng thực vào ngày 7/9/1998, nhưng phần diện tích đất ghi trong biên bản nhỏ hơn thực tế chung (vì lúc đó chỉ ước lượng, chưa có số lô, số thửa và diện tích đo đạc cụ thể chỉ biết tứ cận giáp ranh). Việc chia đất cho các con (Hoa-Nở-Anh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên các con theo biên bản.

Phần cha bà giữ lại theo biên bản bà được biết đã lập di chúc cho tôi em bà vào ngày 26/01/2010 (khoảng thời gian đó ba bà hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt). Bà được biết phần đất thuộc thửa số 764, 876 tờ bản đồ số 27 tổng diện tích sử dụng 1816m^2. Do đó, ông Phạm Hồng An1 khởi kiện thì bà không đồng ý.

Ngày 24/6/2021, bà có đơn yêu cầu phản tố đề nghị công nhận di chúc ngày 28/01/2010 của ông Phạm Hồng So1 là hợp pháp; trong trường hợp Tòa án tuyên hủy bản di chúc nói trên đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Phạm Hồng So1 theo quy định của pháp luật và bà đề nghị nhận bằng hiện vật.

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 cho ông Phạm Hồng So1:

Ngày 05/9/1998, gia đình ông Phạm Hồng So1 gồm các ông, bà Phạm Hồng So1, Phạm Hồng No1, Phạm Hồng An1, Phạm Thị Hoa lập biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản tại thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt.

Ngày 25/9/1998, ông Phạm Hồng So1 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 876 (diện tích 240m^2), thửa đất số 764 (diện tích 1.576m^2), tờ bản đồ số 27, xã XT, thành phố Đà Lạt (được UBND xã XT có ý kiến đồng ý cấp thửa 876, 764, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.816m^2).

Ngày 08/12/1998, Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã XT, thành phố Đà Lạt lập biên bản họp xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã XT cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã XT, thành phố Đà Lạt và biên bản xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 174 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/12/1998, UBND xã XT có Thông báo số 86/TB-UB công khai hồ sơ đăng ký đất với nội dung: "...Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày trên ai có điều gì khai báo thêm hoặc khiếu nại thì nộp đơn tại Ủy ban nhân dân xã, phường để Hội đồng đăng ký đất thẩm tra giải quyết. Nếu quá thời hạn nói trên, mọi việc khai báo thêm hoặc khiếu nại sẽ không được giải quyết…".

Ngày 18/12/1998, Ủy ban nhân dân xã XT có tờ trình số 43/TT/UB gửi Ủy ban nhân dân thành phố về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 174 hộ gia đình cá nhân đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/01/1999, UBND xã XT có biên bản về việc kết thúc khai hồ sơ đăng ký đất.

Xét Tờ trình số 20/TT/ĐC ngày 15/01/1999 của Phòng Địa chính Đà Lạt ngày 03/3/1999, UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 193/QĐ/UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã XT, thành phố Đà Lạt (có danh sách kèm theo, trong đó có ông Phạm Hồng So1) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 cho ông Phạm Hồng So1 với diện tích 1.816m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 764, thửa đất số 876, tờ bản đồ số 27, xã XT, thành phố Đà Lạt.

Quan điểm của UBND thành phố Đà Lạt đối với yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 ngày 03/3/1999 cho hộ ông Phạm Hồng So1 thuộc thửa đất số 764, 876, tờ bản đồ số 27, xã XT, thành phố Đà Lạt thì việc UBND thành phố Đà Lạt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 ngày 03/3/1999 cho ông Phạm Hồng So1 với diện tích 1.816m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 764, thửa đất số 876, tờ bản đồ số 27, xã XT, thành phố Đà Lạt là đúng theo đối tượng và hồ sơ kê khai đăng ký sử dụng đất của ông Phạm Hồng So1; trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai sửa đổi bổ sung ngày 02/12/1998; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính; ngoài ra tại thời điểm xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng So1 không có thắc mắc khiếu nại tại UBND xã XT. Việc UBND thành phố Đà Lạt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng So1 đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục tai thời điểm cấp Giấy chứng nhận.

Do đó, việc ông Phạm Hồng An1 yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu N 638677 cấp ngày 03/3/1999 cho hộ ông Phạm Hồng So1 đối với diện tích đất 1.816m^2 thuộc thửa đất số 764, 876, tờ ban đồ số 27, xã XT, thành phố Đà Lạt là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã XT, thành phố Đà Lạt trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp là của hộ ông Phạm Hồng So1 tự khai phá và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/3/1999 cho hộ ông Phạm Hồng So1. Vị trí: thửa đất số 764, tờ bản đồ 25, diện tích 1576m^2; thửa đất số 876, tờ bản đồ 25, diện tích 240m^2. Về hiện trạng sử dụng đất: Ông Phạm Hồng No1 đã sử dụng từ lúc ông Phạm Hồng So1 còn sống và hiện nay ông Phạm Hồng No1 đang là người trực tiếp quản lý và sử dụng.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp: Gia đình ông Phạm Hồng So1 tổ chức họp gia đình ngày 05/9/1998 với nội dung chia tài sản là quyền sử dụng đất cho các con, tại buổi họp gia đình các thành viên trong gia đình đã thống nhất với phần quyền sử dụng đất mỗi thành viên được nhận, còn một phần diện tích đất (1.816m^2) ông Phạm Hồng So1 để lại sử dụng và thống nhất trong biên bản là chia đều cho hai con trai là Phạm Hồng No1 và Phạm Hồng An1 khi qua đời.Tuy nhiên, năm 2010 ông Phạm Hồng So1 đã đến Ủy ban nhân dân xã XT lập di chúc để lại toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng ông Phạm Hồng No1. Sau khi ông Phạm Hồng So1 chết ngày 07/8/2016, di chúc có hiệu lực pháp luật ông Phạm Hồng An1 yêu cầu ông Phạm Hồng No1 chia lại quyền sử dụng đất theo biên bản họp gia đinh năm 1998 là chia lô đất làm hai cho hai anh em nhưng ông Phạm Hồng No1 không đồng ý dẫn đến tranh chấp.

Về trình tự thủ tục Ủy ban nhân dân xã XT chứng thực văn bản "Di Chúc" số 01, quyền số I/2010TP/CC-SCT/HDGD: Trước khi chứng thực di chúc ông Phạm Hồng So1 có liên hệ bộ phận tư pháp xã XT với nội dung hồ sơ thủ tục pháp lý, cách thức lập di chúc. Công chức tư pháp có hướng dẫn về thành phần

hồ sơ và các quy định về thừa kế được quy định từ Điều 631 đến Điều 687 của Bộ Luật dân sự 2005. Về quy trình chứng thực được thực hiện theo Thông tư 04/2006/TTLT-BTP- BTNMT ngày 13/6/2006 về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ của ông Phạm Hồng So1 gồm có: Dự thảo di chúc; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân (CMND ông Phạm Hồng So1; CMND ông Phạm Hồng No1; CMND bà Nguyễn Thị Ma1) và sổ hộ khẩu (có xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có xuất trình kèm theo bàn chính để đối chiếu).

Qua kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Hồng So1 cán bộ tiếp nhận nhận thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình nên đã có giải thích cho ông Phạm Hồng So1 về quyền sử dụng đất của hộ gia đình, tài sản của ông để lại nằm chung trong phần tài sản của hộ gia đình và có hướng dẫn ông Phạm Hồng So1 nên chuyển đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình sang cấp cho ông, bà rồi mới làm di chúc, nếu thực hiện đúng theo hướng dẫn của cán bộ tư pháp hộ tịch thì toàn bộ tài sản của ông di chúc lại cho ông, bà Phạm Hồng No1 - Nguyễn Thị Ma1 mới có hiệu lực pháp luật. Nếu không thống nhất theo hướng dẫn trên nếu ông Phạm Hồng So1 vẫn giữ quan điểm xác lập di chúc cho ông No1, bà Ma1 thì ông No1, bà Ma1 chỉ nhận một phần trong tài sản trong hộ ông Phạm Hồng So1. Nhưng ông Phạm Hồng So1 không đồng ý và yêu cầu công chức tư pháp tiếp nhận giải quyết hồ sơ chứng thực di chúc theo quy trình.

Tại thời điểm chứng thực, ông Phạm Hồng So1 cỏ đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật; nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; người lập Di chúc đã đọc di chúc, công chức tư pháp thông qua thêm một lần nữa cho người lập di chúc nghe. Người lập di chúc đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và đã điểm chỉ di chúc trước mặt công chức tư pháp. Do đó, trình tự thủ tục Ủy ban nhân dân xã XT chứng thực văn bản "Di Chúc" số 01, quyển số I/2010TP/CC-SCT/HĐGD là đúng quy trình được quy định tại Thông tư 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sừ dụng đất.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã XT đối với yêu cầu khởi kiện hủy bản "Di Chúc" như sau: Diện tích đất chia tài sản thừa kế theo kiến nghị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N038677 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/3/1999 cho hộ ông Phạm Hồng So1. Ông Phạm Hồng So1 chết có để lại di chúc với di nguyện để lại phần tài sản của mình chung trong phần tài sản của hộ gia đình cho con Phạm Hông Nỡ và Nguyễn Thị Ma1.

Đối với việc tranh chấp thừa kế giữa nguyên đơn Phạm Hồng An1 với bị đơn ông Phạm Hồng No1 Ủy ban nhân dân xã XT đề nghị phải vừa thực hiện theo pháp Luật Đất đai về hộ gia đình sử dụng đất và thực hiện theo di chúc như sau:

- Về quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hồng So1: Trước hết phải chia đều cho các thành viên của hộ sử dụng đất để xác định phần tài sản mỗi thành viên được hưởng và phần di sản ông Phạm Hồng So1 để lại theo Bộ luật Dân sự.

- Không đồng ý việc hủy bản "Di Chúc" số 01, quyển số I/2010TP/CC-SCT/HĐGD với lý do "Di Chúc" số 01, quyển số I/2010TP/CC-SCT/HĐGD là đúng trình tự, quy trình được quy định tại Thông tư 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.Tại thời điểm thực hiện di chúc người để lại di chúc không bị một áp lực, thực hiện trong trạng thái tinh thần minh mẫn, thể hiện ý chí nguyện vọng hợp lý của người để lại di chúc. Do vậy phần tài sản của ông Phạm Hồng So1 được phân chia theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là phần di sản hợp pháp đúng quy định luật dân sự và được để lại cho ông Phạm Hồng Nở, bà Nguyễn Thị Ma1 là hợp lý.

Ông Bùi Văn Bân là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Li1 trình bày: Ông là chồng hợp pháp của bà Phạm Thị Li1 (chung sống 1978, không đăng ký kết hôn), bà Li1 chết ngày 26/9/2020. Cụ Phạm Hồng So1 là cha ruột của bà Phạm Thị Li1, ông Bân là con rể của cụ So1. Ông Phạm Hồng An1 và ông Phạm Hồng No1 là em cùng cha, khác mẹ với bà Phạm Thi Liên, ông Bân là anh vợ của ông An1 và ông No1.

Ông Bân và bà Li1 có các con chung gồm:

- Chị Bùi Thị Bích Ta1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Lộc Quý, xà XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh Bùi Thanh Ti1, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn An Đại 3, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tinh Quảng Ngãi. Hiện nay, anh Tiến đi làm ăn tại thành phố Đà Nẵng không rõ địa chỉ, do dịch Covid - 19 nên không về nhà và không liên lạc với gia đình.

- Chị Bùi Thị Thùy Ta1, sinh năm 1987; Địa chi: ấp Rừng Dầu, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Chị Bùi Thị Thùy Li1, sinh năm 1989; Địa chi: hẻm 194, Hoàng Văn Thụ, tổ 6, phường Quảng Phú, Tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Bùi Thị Thùy Tu1, sinh năm: 1992; cư trú tại hẻm 1055/55, đường Quang Trung, tổ 8, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Bùi Thị Ti1, sinh năm: 1996; cư trú tại 1044, đường Nguyễn Văn Quá, tổ 7, khu phố 1A, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bà Li1 còn có mẹ là bà Tạ Thị Th1, sinh năm: 1935; hiện đang sống tại đường Nguyễn Văn Quá, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông không khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 19 tại thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hiện nay ông Phạm Hồng An1 đang khởi kiện cho là di sản của cụ Phạm Hồng So1.

Theo chị Bùi Thị Thùy Lý khai: Chị là con gái của bà Phạm Thị Li1 (bà Li1 chết ngày 26/9/220). Cụ Phạm Hồng So1 là cha ruột của bà Phạm Thị Li1, chị Bùi Thị Thùy Lý là cháu ngoại của cụ So1. Ông Phạm Hồng An1 và ông Phạm Hồng No1 là em cùng cha, khác mẹ với bà Phạm Thị Li1, chị Lý là cháu gọi ông An1 và ông No1 là cậu ruột. Chị không khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 19 tại thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hiện nay ông Phạm Hồng An1 đang khởi kiện cho là di sản của cụ Phạm Hồng So1.

Theo chị Bùi Thị Thùy Tường khai: Chị là con gái của bà Phạm Thị Li1 (bà Li1 chết ngày 26/9/220). Cụ Phạm Hồng So1 là cha ruột của bà Phạm Thị Li1, chị Bùi Thị Thùy Lý là cháu ngoại của cụ So1. Ông Phạm Hồng An1 và ông Phạm Hồng No1 là em cùng cha, khác mẹ với bà Phạm Thị Li1, chị Lý là cháu gọi ông An1 và ông No1 là cậu ruột. Chị không khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 19 tại thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hiện nay ông Phạm Hồng An1 đang khởi kiện cho là di sản của cụ Phạm Hồng So1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng An1 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố di chúc là vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* đối với ông Phạm Hồng No1.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Hồng No1 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế"*.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Hoa về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế"*

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế:

1.1 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Thị Xuân là cụ Phạm Hồng So1, ông Phạm Hồng No1, ông Phạm Hồng An1, bà Phạm Thị Hoa.

1.2 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Hồng So1 là cụ Tạ Thị Thuấn, ông Phạm Hồng No1, ông Phạm Hồng An1, bà Phạm Thị Hoa.

1.3 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Li1 là ông Bùi Văn Bân, chị Bùi Thị Bích Tân, anh Bùi Thanh Tiến, chị Bùi Thị Thùy Tâm, chị Bùi Thị Thùy Lý, chị Bùi Thị Thùy Tường, chị Bùi Thị Tiền.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 638677 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/3/1999 cho hộ ông Phạm Hồng So1 có diện tích 1.816m^2 thuộc thửa đất số 764 và 876 tờ bản đồ số 27 tại xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Xác định lô đất có diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.718,6m^2 thuộc các thửa đất số 764 và 876 (nay là thửa đất số 420) tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã

XT, thành phố Đà Lạt là di sản thừa kế của cụ Phạm Hồng So1 và cụ Ngô Thị Xuân để lại có giá trị là 4.480.390.200 đồng.

4. Giao lô đất có diện tích 1.621,4m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã XT, thành phố Đà Lạt cho ông Phạm Hồng An1 quản lý sử dụng

Giao lô đất có diện tích 98,9m^2 thuộc thửa số 420 tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã XT, thành phố Đà Lạt cho bà Phạm Thị Hoa quản lý sử dụng.

(có họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện kèm theo).

Ông Phạm Hồng An1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bà Hoa được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, hợp thửa theo quy định của pháp luật.

5. Ông Phạm Hồng An1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Hồng No1 số tiền 1.120.097.500 đồng

6. Ông Phạm Hồng An1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Hoa số tiền 862.265.200 đồng

7. Tạm giao cho ông Phạm Hồng An1 quản lý kỷ phần thừa kế của cụ Tạ Thị Thuấn và bà Phạm Thị Li1; mỗi kỷ phần thừa kế là 560.048.755 đồng; tổng cộng hai kỷ phần là 1.120.097.500 đồng.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/5/2023 bị đơn ông Phạm Hồng No1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Hoa có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc ngày 28/01/2010 có hiệu lực, trong trường hợp Toà án xác định di chúc không có hiệu lực thì chia di sản theo quy định pháp luật và chia cho bị đơn và người liên quan được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, thanh toán lại cho nguyên đơn giá trị phần di sản thừa kế bằng tiền.

Ngày 10/5/2023, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Li1 gồm ông Bùi Văn Bân, chị Bùi Thị Thuỳ Lý, Bùi Thị Thuỳ Tường và Bùi Thị Bích Tân có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án xem xét cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Li1 được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ Phạm Hồng So1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Li1 ông Bùi Văn Bân, chị Bùi Thị Thuỳ Lý, Bùi Thị Thuỳ Tường và Bùi Thị Bích Tân có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành

phố Hồ Chí Minh và những người tham gia tố tụng khác đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

- Bị đơn ông Phạm Hồng No1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Hoa giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và trình bày:

Ban đầu cụ So1 đã thống nhất trong văn bản thoả thuận chia đất ngày 05/9/1998 là phần đất chia cho cụ So1 thì sau này khi cụ So1 chết sẽ chia đôi cho ông An1 và ông No1 mỗi người một nửa nhưng sau đó do ông An1 đối xử không tốt với cụ So1 nên cụ So1 mới ra UBND xã lập di chúc để lại đất cho vợ chồng ông No1 vì vợ chồng ông No1 là người chăm sóc, nuôi dưỡng cụ So1 và sau này chịu trách nhiệm thờ cúng. Phần đất tranh chấp này thì từ sau khi chia đất năm 1998 thì cụ So1 quản lý, sử dụng sau đó giao cho ông No1 quản lý, sử dụng cho đến khi phát sinh tranh chấp thì bỏ trống không bên nào được sử dụng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:

Bản di chúc ngày 28/01/2010 không có giá trị vì cụ So1 không không biết chữ nên việc chứng thực không hợp pháp do không có người làm chứng. Phần đất tranh chấp từ trước đến nay đều do ông An1 quản lý, sử dụng nên việc Toà án cấp sơ thẩm xét xử cho ông An1 được nhận di sản bằng hiện vật và thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông No1 là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông No1, bà Hoa và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm đến phiên toà phúc thẩm hôm nay; Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào văn bản thoả thuận chia đất cho các con ngày 05/9/1998 thể hiện phần diện tích đất cụ So1 được chia là khoảng 1.250m^2 đất tại thôn Lộc Quý sát nhà. Sau đó, cụ So1 đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận số N038677 với diện tích 1.816m^2 tại các thửa 764, 876 tờ bản đồ số 27. Như vậy đây là tài sản riêng của cụ So1. Ngày 28/01/2010, cụ So1 lập di chúc để lại các thửa đất nêu trên cho con trai là ông No1 và con dâu là bà Ma1, thời điểm cụ So1 lập di chúc là hoàn toàn minh mẫn, cụ So1 không biết viết nhưng biết đọc và điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền chứng thực. Di chúc của cụ So1 được UBND xã XT chứng thực đúng quy định của pháp luật, thể hiện đúng ý nguyên của Cụ So1, do đó bản di chúc ngày 28/01/2010 có giá trị pháp lý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Hồng No1 và sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng An1; công nhận di chúc ngày 28/01/2010 là hợp pháp; quyền sử dụng đất tại thửa 420, tờ bản đồ 19 tại thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt là của ông Phạm Hồng No1, bà Nguyễn Thị Ma1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Li1 gồm Bùi Văn Bân, Bùi Thị Thuỳ Lý, Bùi Thị Thuỳ Tường, Bùi Thị Bích Tân (những người có đơn kháng cáo) có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Toà án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng tư cách của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Phạm Hồng No1 có đơn phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hoa có đơn yêu cầu độc lập có cùng nội dung đề nghị Toà án công nhận bản di chúc ngày 28/01/2010 của cụ Phạm Hồng So1 là hợp pháp. Xét đây chỉ là lời trình bày của các đương sự mà không phải là yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của đương sự vì nội dung yêu cầu này đang được Toà án thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện của ông Phạm Hồng An1 yêu cầu tuyên bố bản di chúc nêu trên là vô hiệu. Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định và thụ lý yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập là không đúng. Hơn nữa, ngày 23/6/2021 các đương sự này mới nộp đơn yêu cầu, trong khi đó Toà án đã thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào 10 giờ 30 phút ngày 26/02/2021. Như vậy, các đương sự nộp đơn sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vi phạm quy định tại Điều 200, Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về hàng thừa kế: Vợ chồng cụ Phạm Hồng So1, Ngô Thị Xuân (cụ Xuân chết năm 1989, cụ So1 chết năm 2016) có 03 người con chung gồm ông Phạm Hồng No1, Phạm Hồng An1 và bà Phạm Thị Hoa. Ngoài ra, cụ So1 có 01 người con riêng với cụ Tạ Thị Thuấn là bà Phạm Thị Li1. Quá trình giải quyết vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện cụ Tạ Thị Thuấn là vợ hợp pháp của cụ So1, nhưng Toà án cấp sơ thẩm nhận định cụ Thuấn là vợ cụ So1 và đưa cụ Thuấn vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để từ đó xác định cụ Thuấn là hàng thừa kế thứ nhất của cụ So1 và chia cho cụ Thuấn được hưởng 1 kỷ phần thừa kế của cụ So1 là không đúng quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự 2015. Toà án cấp sơ thẩm xác định bà Phạm Thị Li1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng, tuy nhiên ngày 30/01/2019 bà Li1 có văn bản (được công chứng tại Văn phòng Công chứng Tư Nghĩa) từ chối nhận di sản, đến ngày 26/9/2020 bà Li1 chết nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn chia cho bà Li1 01 kỷ phần thừa kế của cụ So1 là không đúng.

[3] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận khi còn sống cụ Phạm Hồng So1, Ngô Thị Xuân đã tạo lập được khối tài sản như trong biên bản họp

gia đình ngày 05/9/1998. Sau khi cụ Xuân chết thì cụ So1 cùng 03 con chung lập biên bản họp họp gia đình ngày 05/9/1998 để phân chia tài sản và được UBND xã XT chứng thực vào ngày 07/9/1998. Các ông bà Phạm Hồng No1, Phạm Hồng An1 và Phạm Thị Hoa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng biên bản chia đất nêu trên, cụ Phạm Hồng So1 được chia diện tích đất vườn khoảng 1.250m^2 (không đo đạc cụ thể mà chỉ ước lượng), cụ So1 kê khai đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N038677 ngày 03/3/1999 gồm các thửa 876 diện tích 240m^2; thửa 764 diện tích 1.576m^2, cùng tờ bản đồ số 27. Như vậy, khối tài sản chung của cụ So1 và cụ Xuân đã được chia cho cụ So1 và các con, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó ½ khối tài sản nêu trên không còn là di sản của cụ Xuân. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ So1 có thể hiện nội dung cấp cho hộ gia đình Phạm Hồng So1 nhưng căn cứ đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện chỉ có một mình cụ So1 đứng đơn mà không thể hiện số người đồng sử dụng đất trong hộ gia đình vì 03 người con của cụ So1 cùng được chia đất theo biên bản ngày 05/9/1998 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Như vậy, diện tích đất tại thửa 876 và 764 nêu trên là tài sản riêng của cụ So1. Căn cứ Công văn số 1844/VPĐKKĐL ngày 11/9/2018, Công văn 14.CCTT/VPĐK ngày 07/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Đà Lạt và Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện ngày 30/12/2020 thì các thửa đất 876, 764 tờ bản đồ số 27 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03/3/1999 hiện nay là thuộc thửa số 420 diện tích 1.718,6m^2 tờ bản đồ số 19 xã XT, trích đo theo bản đồ đo vẽ năm 2011.

[4] Về di chúc: Vào ngày 28/01/2010, cụ So1 lập di chúc để lại cho con trai Phạm Hồng No1 và con dâu Nguyễn Thị Ma1 toàn bộ diện tích đất 1.816m^2 tại các thửa 764, 876, tờ bản đồ 19, đã được cấp giấy chứng nhận số N638677 đứng tên cụ So1, di chúc này được Uỷ ban nhân dân xã XT, thành phố Đà Lạt chứng thực cùng ngày 28/01/2010. Nội dung di chúc thể hiện cụ So1 trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, sau khi tham khảo ý kiến của các thành viên trong gia đình, đây là tài sản riêng của của cụ giao cho ông No1 và bà Ma1 trọn quyền sử dụng và phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cụ So1 đến hết đời, đồng thời có trách nhiệm thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Theo nội dung văn bản số 249/UBND ngày 10/11/2020 của UBND xã XT xác định trước khi chứng thực di chúc thì cụ So1 đã liên hệ với bộ phận tư pháp của UBND xã XT về hồ sơ, thủ tục, cách thức lập di chúc. Cụ So1 đã được đọc di chúc, sau đó công chức tư pháp thông qua thêm một lần nữa cho cụ So1 nghe, đồng ý toàn bộ nội dung di chúc và đã điểm chỉ di chúc trước mặt Công chức Tư pháp. Như vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm lập di chúc cụ So1 hoàn toàn minh mẫn, cụ So1 chỉ biết đọc, không biết viết và đã điểm chỉ trước mặt người có thẩm quyền chứng thực. Nội dung di chúc đã thể hiện đúng ý nguyện của cụ So1. Căn cứ các Điều 646, 652 và 658 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bản di chúc ngày 28/01/2010 do cụ So1 lập được UBND xã XT, thành phố Đà Lạt chứng

thực là hợp pháp, có giá trị pháp lý. Toà án cấp sơ thẩm cho rằng, cụ So1 không biết chữ nên căn cứ khoản 3 Điều 652 Bộ luật dân sự thì di chúc của cụ So1 phải được người làm chứng lập thành văn bản là chưa đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng An1 là không đúng.

[5] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hồng No1, bà Phạm Thị Hoa, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng An1, Tuyên bố bản di chúc lập ngày 28/01/2010 là hợp pháp. Quyền sử dụng đất đo đạc thực tế 1.718,6m^2 thuộc các thửa 764 và 876 tờ bản dồ số 27 (nay là thửa 420, tờ bản đồ số 19) toạ lạc tại thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt là của ông Phạm Hồng No1, bà Nguyễn Thị Ma1.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn Bân, chị Bùi Thị Thuỳ Lý, Bùi Thị Thuỳ Tường và Bùi Thị Bích Tân đề nghị xem xét cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Li1 được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ Phạm Hồng So1.

[6] Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác được tính lại như sau: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Phạm Hồng An1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và phải chịu tiền chi xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

Ông Phạm Hồng No1, bà Phạm Thị Hoa không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông No1, bà Hoa không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo luật định. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Văn Bân, chị Bùi Thị Thuỳ Lý, Bùi Thị Thuỳ Tưởng và Bùi Thị Bích Tân phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông No1, bà Hoa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 652, 654, 657, 658 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 97, 99, 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền,

nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Li1 gồm ông Bùi Văn Bân, chị Bùi Thị Thuỳ Lý, Bùi Thị Thuỳ Tưởng và Bùi Thị Bích Tân;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bi đơn ông Phạm Hồng No1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hoa.

Sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng An1 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

2. Tuyên bố bản di chúc lập ngày 28/01/2010 là hợp pháp. Quyền sử dụng đất đo đạc thực tế 1.718,6m^2 thuộc các thửa 764 và 876 tờ bản dồ số 27 (nay là thửa 420, tờ bản đồ số 19) toạ lạc tại thôn Lộc Quý, xã XT, thành phố Đà Lạt là của ông Phạm Hồng No1, bà Nguyễn Thị Ma1.

3. Ông Phạm Hồng No1, bà Nguyễn Thị Ma1 được quyền căn cứ Bản án này để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

4.1. Ông Phạm Hồng An1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.800.000 đồng, ông An1 đã nộp vào phần án phí phải chịu. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng hoàn trả cho ông An1 số tiền còn lại là 2.500.000 đồng tại biên lai số AA/2016/0001796 ngày 18/10/2017 và số AA/2016/0004171 ngày 13/11/2017.

4.2. Ông Phạm Hồng No1, bà Phạm Thị Ho1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng hoàn trả cho ông No1, bà Hoa số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 3.350.000 đồng tại các biên lai số AA/2017/0006793; số AA/2017/0006794 cùng ngày 05/7/2021.

4.3. Ông Phạm Hồng An1 phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 26.577.999 đồng (đã nộp xong)

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Hồng No1, bà Phạm Thị Ho1 không phải chịu. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng hoàn trả cho ông NO1, bà Ho1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0008949, 0008950 cùng ngày 13/6/2022.

Ông Bùi Văn Bân, chị Bùi Thị Thuỳ Li1, Bùi Thị Thuỳ Tu1 và Bùi Thị Bích Ta1 phải chịu mỗi người 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0013121, 0013120, 0013123, 0013122 cùng ngày 23/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng vào phần án phí phải chịu (đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (Án-TLQ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh